

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019
và kết thúc vào ngày 30/06/2019

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15 - 43

406
NG
VI
CHI
HAI
OC
PHO
03
CC
OPH
CH
N8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn – Đà Nẵng (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 5828/QĐUB ngày 31/12/2013 do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450962 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2004 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 09/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 75.593.580.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là RCL.

Hoạt động của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản;
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Xây dựng công trình công cộng - nhà ở;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế mẫu nhà ở cho nhiệm vụ kinh doanh nhà ở của đơn vị (không nhận thầu thiết kế);
- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình nhà, khu dân cư thuộc dự án nhóm B, C. Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn tổ chức đấu thầu, hợp đồng kinh tế các công trình xây dựng nhà, khu dân cư nhóm B, C;
- Thiết kế quy hoạch khu dân dụng, khu công nghiệp. Thiết kế san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị khu dân dụng, khu công nghiệp;
- Thẩm định thiết kế kiến trúc, dự toán các công trình xây dựng;
- Lập họa đồ hiện trạng nhà ở;
- Khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Tư vấn quản lý dự án. Thẩm tra dự án đầu tư. Tư vấn giám sát kỹ thuật công trình (trừ giám sát công trình xây dựng). Tư vấn xây dựng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Văn Châu	Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật
- Ông Nguyễn Xuân Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
- Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên
- Bà Lê Thị Lan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
- Ông Dương Thế Quang	Thành viên
- Ông Trần Tuấn Đạt	Thành viên
- Ông Nguyễn Anh Kiệt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Trưởng ban
- Bà Lê Thị Thanh Ngân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
- Ông Nguyễn An Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2019)
- Bà Trần Ngọc Lan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/04/2019)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc
- Bà Lê Thị Lan	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 đã được soát xét của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Nhóm Công ty và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Văn Châu
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 006/2019/BCSX-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn và Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn – Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 14/08/2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 được trình bày từ trang 08 đến trang 43 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		418.878.706.264	480.873.733.089
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	43.452.670.215	75.917.041.296
Tiền	111		7.452.670.215	22.467.041.296
Các khoản tương đương tiền	112		36.000.000.000	53.450.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	200.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5.11a	200.000.000	200.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.684.196.170	107.212.909.244
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	63.440.209.944	53.292.609.429
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	30.000.000.000	52.589.420.572
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4a	1.243.986.226	1.330.879.243
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		277.593.363.684	297.481.290.874
Hàng tồn kho	141	5.5	277.593.363.684	297.481.290.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.948.476.195	62.491.675
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6a	91.379.394	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.704.532.494	62.491.675
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		152.564.307	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.402.314.225	60.892.860.981
Các khoản phải thu dài hạn	210		29.667.787.207	31.638.501.543
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4b	29.667.787.207	31.638.501.543
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		13.554.887.477	13.892.717.473
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	490.883.850	659.419.880
- Nguyên giá	222		3.941.849.212	3.941.849.212
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.450.965.362)	(3.282.429.332)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	13.064.003.627	13.233.297.593
- Nguyên giá	228		17.094.245.661	17.094.245.661
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4.030.242.034)	(3.860.948.068)
Bất động sản đầu tư	230	5.9	700.434.392	-
- Nguyên giá	231		1.107.075.315	382.488.007
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(406.640.923)	(382.488.007)
Tài sản dở dang dài hạn	240		80.918.617.968	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.10	80.918.617.968	-
Chi phí XDCB dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.350.000.000	4.350.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11b	4.350.000.000	4.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		27.210.587.181	11.011.641.965
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6b	27.173.605.739	10.931.704.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		36.981.442	79.937.891
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
CỘNG TÀI SẢN	270		575.281.020.489	541.766.594.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		360.032.091.395	320.550.957.480
Nợ ngắn hạn	310		360.032.091.395	320.480.957.480
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	6.446.194.752	4.973.145.847
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	174.274.508.815	136.128.961.821
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	133.992.067	5.394.411.491
Phải trả người lao động	314		-	694.452.972
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	165.932.160.382	160.288.705.159
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	11.457.562.333	11.628.868.066
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	1.787.673.046	1.372.412.124
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	70.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	70.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.248.929.094	221.215.636.590
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	215.248.929.094	221.215.636.590
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.593.580.000	75.593.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.593.580.000	75.593.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		12.481.082.127	12.481.082.127
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		114.168.042.589	114.168.042.589
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.080.840.890	8.080.840.890
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.885.669.604	11.005.268.011
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	10.000.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.885.669.604	10.995.268.011
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		39.713.884	(113.177.027)
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
CỘNG NGUỒN VỐN	440		575.281.020.489	541.766.594.070

Ngày 14 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thị Kim Xuyên





Nguyễn Bảo Huy

Vũ Quốc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	42.602.332.265	46.712.999.542
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	42.602.332.265	46.712.999.542
Giá vốn hàng bán	11	6.2	30.959.078.734	40.084.640.218
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.643.253.531	6.628.359.324
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	917.859.095	1.177.743.281
Chi phí tài chính	22		-	54.546
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.4	1.350.697.636	1.104.055
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.134.881.730	5.155.429.745
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.075.533.260	2.649.514.259
Thu nhập khác	31	6.6	134.637.989	3.237.929.019
Chi phí khác	32	6.7	32.898.744	10.483.290
Lợi nhuận khác	40		101.739.245	3.227.445.729
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.177.272.505	5.876.959.988
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	1.095.755.541	1.247.800.908
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		42.956.449	(17.129.049)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.038.560.515	4.646.288.129
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		4.885.669.604	4.668.567.513
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		152.890.911	(22.279.384)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	646	618
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	646	618

Ngày 14 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Kim Xuyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Bảo Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	80.374.956.363	90.867.569.369
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(91.096.784.354)	(60.905.002.294)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.959.372.199)	(3.905.386.787)
Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.973.413.322)	(4.085.336.847)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	448.925.509	4.979.532.025
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.343.631.739)	(8.808.812.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.549.319.742)	18.142.562.831
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.336.818.191	399.621.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.336.818.191	399.621.191
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	9.774.430
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(20.203)
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.251.869.530)	(9.559.746.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.251.869.530)	(9.549.992.028)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ (Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(32.464.371.081)	8.992.191.994
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	75.917.041.296	35.230.543.170
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	43.452.670.215	44.222.735.164

Ngày 14 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Xuyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Bảo Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Tuấn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 5828/QĐUB ngày 31/12/2013 do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450962 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2004 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 09/12/2016.

Mã chứng khoán của Công ty RCL

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản;
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Môi giới bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Xây dựng công trình công cộng - nhà ở;
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu hàng trang trí nội thất, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế mẫu nhà ở cho nhiệm vụ kinh doanh nhà ở của đơn vị (không nhận thầu thiết kế);
- Lập dự án đầu tư xây dựng các công trình nhà, khu dân cư thuộc dự án nhóm B, C. Lập hồ sơ mời thầu, tư vấn tổ chức đấu thầu, hợp đồng kinh tế các công trình xây dựng nhà, khu dân cư nhóm B, C;
- Thiết kế quy hoạch khu dân dụng, khu công nghiệp. Thiết kế san lấp mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật đô thị khu dân dụng, khu công nghiệp;
- Thẩm định thiết kế kiến trúc, dự toán các công trình xây dựng;
- Lập họa đồ hiện trạng nhà ở;
- Khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Tư vấn quản lý dự án. Thẩm tra dự án đầu tư. Tư vấn giám sát kỹ thuật công trình (trừ giám sát công trình xây dựng). Tư vấn xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn - Xí nghiệp Xây lắp	Số 118 đường Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.HCM
Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn - Xí nghiệp Xây dựng	Số 118 đường Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP.HCM

Tổng số các công ty con: 1 (một) công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 (một) công ty.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không) công ty.

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn – Đà Nẵng	188 đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	51,00%	51,00%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn – Đà Nẵng (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Chi phí sản xuất kinh doanh Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp dở dang cộng chi phí sản xuất chung theo từng dự án

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 – 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.9. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| - Quyền sử dụng đất | 50 năm |
| - Phần mềm kế toán | 03 năm |

4.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 – 10 năm.

4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; ...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	129.670.337	384.730.188
Tiền gửi ngân hàng	7.322.999.878	22.082.311.108
Các khoản tương đương tiền (i)	36.000.000.000	53.450.000.000
Cộng	43.452.670.215	75.917.041.296

(i) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng. Chi tiết như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Quận 5	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	30.000.000.000	33.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Tân Định	2.000.000.000	17.450.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 8	2.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	36.000.000.000	53.450.000.000

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	(VND)	(VND)
Văn phòng Công ty	63.311.319.794	53.122.949.878
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hai Hạnh (Trần Hữu Hai)	39.593.410.000	28.059.544.000
- Các khách hàng khác	23.717.909.794	25.063.405.878
Xí nghiệp xây lắp	128.890.150	169.659.551
- Công ty TNHH Xây dựng LIVO	128.890.150	-
- Các khách hàng khác	-	169.659.551
Cộng	63.440.209.944	53.292.609.429

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Trương Đình Trung (i)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng An Phú Gia	-	11.284.658.300
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đất Sài Gòn	-	8.500.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phòng cháy chữa cháy Lê Nguyễn	-	2.106.181.818
- Công ty Cổ phần Xây dựng Chợ Lớn	-	344.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	354.580.454
Cộng	30.000.000.000	52.589.420.572

(i) Là số tiền thanh toán đợt 1 cho Hợp đồng số 01/HĐKD-Cty ngày 30/05/2017 giữa Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn và Ông Trương Đình Trung.

5.4 Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	20.000.000	-	20.000.000	-
- Văn phòng Công ty	20.000.000	-	20.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	259.959.700	-	259.959.700	-
- Văn phòng Công ty	200.000.000	-	200.000.000	-
- Xí nghiệp Xây lắp	59.959.700	-	59.959.700	-
Phải thu khác	964.026.526	-	1.050.919.543	-
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	549.649.794	-	968.613.890	-
- Phải thu người lao động tiền chi vượt quỹ lương	405.840.363	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	8.536.369	-	82.305.653	-
Cộng	1.243.986.226	-	1.330.879.243	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

b. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	8.444.152.000	-	8.444.152.000	-
- Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (i)	8.405.452.000	-	8.405.452.000	-
- Đối tượng khác	38.700.000	-	38.700.000	-
Phải thu khác	21.223.635.207	-	23.194.349.543	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn (ii)	3.456.180.927	-	3.456.180.927	-
- Công ty Công ích Huyện Nhà Bè (iii)	17.133.850.240	-	19.351.213.481	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn	123.477.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	74.769.284	-	-	-
- Phạm Duy Vũ (thu hồi chi phí công trình 07 căn nhà Khu Dân Cư Trí Minh)	435.357.756	-	386.955.135	-
Cộng	29.667.787.207	-	31.638.501.543	-

(i) Là khoản tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án Cao Ốc Bình Đông Chợ Lớn tại số 99 đường Bến Bình Đông, phường 11, quận 8 (Theo Quyết định số 4530/QĐ-UBND ngày 30/08/2016 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận đầu tư dự án cao ốc Bình Đông Chợ Lớn tại số 99 đường Bến Bình Đông, phường 11, quận 8 do Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn làm chủ đầu tư).

(ii) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn theo Hợp đồng nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư và kinh doanh các dự án trên địa bàn tỉnh Tây Ninh số 02/HĐNT-2003 ngày 11/04/2003.

(iii) Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công ích Huyện Nhà Bè theo Hợp đồng nguyên tắc đầu tư khai thác dự án Khu dân cư 28 ha Xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè số 1081/HĐĐTKT ngày 05/09/2001 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1119/HĐ-HTKD ngày 18/12/2001, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 17/03/2003, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 09/06/2003, Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 12/12/2006 về việc góp vốn để đền bù, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giao lại đất đã có hạ tầng kỹ thuật, ở dự án khu đất 28 ha xã Nhơn Đức Huyện Nhà Bè.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	236.158.232.074	-	275.728.588.460	-
Hàng hóa bất động sản (ii)	41.435.131.610	-	21.752.702.414	-
Cộng	277.593.363.684	-	297.481.290.874	-

(i) Chi tiết như sau:

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Văn phòng Công ty	233.234.446.896	272.310.745.460
- Khu dân cư Bình Đăng, phường 6, quận 8	1.920.751.092	964.520.545
- Khu dân cư 2 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8 (*)	-	1.959.579.854
- Khu dân cư 3 Bùi Minh Trực, phường 5, quận 8 (*)	-	9.166.326.574
- Khu chung cư Xóm Đầm, phường 10, quận 8	-	724.587.308
- Chung cư B Bùi Minh Trực 3, phường 5, quận 8 (*)	-	69.710.429.740
- Chung cư 99 Bến Bình Đông, phường 11, quận 8	149.930.584.448	107.920.501.080
- Khu dân cư vùng bổ sung phía Nam (*)	-	82.281.800
- Khu dân cư Nhơn Đức - Nhà Bè	77.073.497.331	74.856.134.090
- Khu phức hợp đô thị thương mại cao tầng Phương Trang (Dự án Tây Bắc - Đà Nẵng)	4.309.614.025	6.926.384.469
Xí nghiệp xây lắp	1.348.870.085	1.975.621.154
- Khu dân cư Trí Minh	617.992.545	927.680.395
- Hàng rào Phong Phú Bình Chánh	534.244.500	534.244.500
- Hàng rào Gia Phước Quận 9	196.633.040	513.696.259
Các công trình tại Đà Nẵng	1.574.915.093	1.442.221.846
- Khu phức hợp đô thị thương mại cao tầng Phương Trang (Dự án Tây Bắc - Đà Nẵng)	1.574.915.093	1.442.221.846
Cộng	236.158.232.074	275.728.588.460

(*) Các dự án này tạm ngừng thực hiện vượt quá chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường. Công ty đang theo dõi tín hiệu của thị trường để tiếp tục hoàn thành dự án (xem chi tiết tại mục 5.10).

(ii) Chi tiết như sau:

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Dự án Terra Royal	34.317.404.337	21.752.702.414
- Căn hộ Khuông Việt	7.117.727.273	-
Cộng	41.435.131.610	21.752.702.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.6 Chi phí trả trước**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ chi phí trong kỳ (VND)	30/06/2019 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	137.069.091	(45.689.697)	91.379.394
Cộng	-	137.069.091	(45.689.697)	91.379.394

b Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2019 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Phân bổ chi phí trong kỳ (VND)	30/06/2019 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.931.704.074	17.592.752.487	(1.350.850.822)	27.173.605.739
Cộng	10.931.704.074	17.592.752.487	(1.350.850.822)	27.173.605.739

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá				
01/01/2019	2.814.646.057	166.566.791	960.636.364	3.941.849.212
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
30/06/2019	2.814.646.057	166.566.791	960.636.364	3.941.849.212
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	984.711.453	166.566.791	-	1.151.278.244
Giá trị hao mòn				
01/01/2019	2.480.172.604	166.566.791	635.689.937	3.282.429.332
Khấu hao trong kỳ	88.482.998	-	80.053.032	168.536.030
30/06/2019	2.568.655.602	166.566.791	715.742.969	3.450.965.362
Giá trị còn lại				
01/01/2019	334.473.453	-	324.946.427	659.419.880
30/06/2019	245.990.455	-	244.893.395	490.883.850

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
01/01/2019	16.921.907.934	172.337.727	17.094.245.661
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2019	16.921.907.934	172.337.727	17.094.245.661
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	172.337.727	172.337.727
Giá trị hao mòn			
01/01/2019	3.688.610.341	172.337.727	3.860.948.068
Khấu hao trong kỳ	169.293.966	-	169.293.966
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/06/2019	3.857.904.307	172.337.727	4.030.242.034
Giá trị còn lại			
01/01/2019	13.233.297.593	-	13.233.297.593
30/06/2019	13.064.003.627	-	13.064.003.627

5.9 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2019	382.488.007	382.488.007	-
Tăng trong kỳ	724.587.308	24.152.916	
Giảm trong kỳ	-	-	
30/06/2019	1.107.075.315	406.640.923	700.434.392

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	80.918.617.968	-	-	-
- Khu dân cư 2 Bùi Minh Trục, phường 5, quận 8	1.959.579.854	-	-	-
- Khu dân cư 3 Bùi Minh Trục, phường 5, quận 8	9.166.326.574	-	-	-
- Chung cư B Bùi Minh Trục 3, phường 5, quận 8	69.710.429.740	-	-	-
- Khu dân cư vùng bờ sung phía Nam	82.281.800	-	-	-
Cộng	80.918.617.968	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**a Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua Chứng chỉ quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Thịnh Vina Wealth (VFF) từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinacapital. Tổng giá trị khoản đầu tư là 200.000.000 đồng.

b Đầu tư khác vào công ty khác

	30/06/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty khác						
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (i)	4.350.000.000	-	5.100.000.000	4.350.000.000	-	5.205.000.000
Cộng	4.350.000.000	-	5.100.000.000	4.350.000.000	-	5.205.000.000

(i) Là khoản đầu tư mua 300.000,00 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên liên quan	580.650.000	580.650.000	580.650.000	580.650.000
- Tổng Công ty Địa Ốc Sài Gòn TNHH MTV	580.650.000	580.650.000	580.650.000	580.650.000
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	5.865.544.752	5.865.544.752	4.392.495.847	4.392.495.847
Văn phòng Công ty	5.359.341.642	5.359.341.642	3.237.323.632	3.237.323.632
- Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà	2.101.594.400	2.101.594.400	1.767.745.740	1.767.745.740
- Công ty TNHH Xây Dựng An Phú Gia	1.404.602.213	1.404.602.213	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phòng cháy chữa cháy Lê Nguyễn	760.746.092	760.746.092	-	-
- Công ty Cổ phần Địa Ốc 8	486.747.600	486.747.600	486.747.600	486.747.600
- Các nhà cung cấp khác	605.651.337	605.651.337	982.830.292	982.830.292
Xí nghiệp Xây dựng	59.565.000	59.565.000	59.565.000	59.565.000
- Các nhà cung cấp khác	59.565.000	59.565.000	59.565.000	59.565.000
Xí nghiệp Xây lắp	314.766.400	314.766.400	633.599.355	633.599.355
- Công ty TNHH Thương mại Hoàng Chấn	136.738.400	136.738.400	136.738.400	136.738.400
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thanh Tâm	91.657.500	91.657.500	91.657.500	91.657.500
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng và Dịch vụ Tam Đa	69.377.550	69.377.550	69.377.550	69.377.550
- Các nhà cung cấp khác	16.992.950	16.992.950	335.825.905	335.825.905

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn- Đà Nẵng	131.871.710	131.871.710	462.007.860	462.007.860
- Công ty TNHH TM & DV Phước Duy	131.871.710	131.871.710	305.492.860	305.492.860
- Công ty Cổ phần Xây Lắp Phát triển nhà Đà Nẵng	-	-	156.515.000	156.515.000
Cộng	6.446.194.752	6.446.194.752	4.973.145.847	4.973.145.847

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Khách hàng ứng trước của dự án Felisa Riverside	174.274.508.815	136.128.961.821
Cộng	174.274.508.815	136.128.961.821

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.469.639.911	2.469.639.911
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.279.162	6.279.162	2.752.801.266	2.752.801.266
- Thuế thu nhập cá nhân	127.712.905	127.712.905	171.970.314	171.970.314
Cộng	133.992.067	133.992.067	5.394.411.491	5.394.411.491

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15 Chi phí phải trả**Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí dự án phải trả (i)	165.932.160.382	165.932.160.382	160.288.705.159	160.288.705.159
Cộng	165.932.160.382	165.932.160.382	160.288.705.159	160.288.705.159

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

(i) Chi tiết như sau:

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Chi phí kết cấu hạ tầng dự án KDC Bùi Minh Trực II P5 Q8	26.135.485.334	26.135.485.334
- Chi phí kết cấu hạ tầng dự án KDC Bùi Minh Trực III P5 Q8	952.527.539	952.527.539
- Trích trước giá vốn dự án KDC Nhơn Đức huyện Nhà Bè	61.438.465.563	61.438.465.563
- Trích trước giá vốn dự án Tây Bắc - Đà Nẵng	76.938.000.000	71.338.000.000
- Chi phí dịch vụ thuê ngoài thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, căn hộ	420.181.946	420.181.946
- Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài khác	47.500.000	4.044.777
Cộng	165.932.160.382	160.288.705.159

5.16 Phải trả khác***Phải trả khác ngắn hạn***

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Kinh phí công đoàn	55.000.804	57.806.964
Bảo hiểm bắt buộc	-	32.131.435
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	628.600.000	1.672.200.000
- Tiền đặt cọc cho thuê nhà	346.600.000	254.600.000
- Tiền đặt cọc thuê mặt bằng	282.000.000	262.600.000
- Tiền đặt cọc mua nền	-	1.155.000.000
Phải trả khác	10.773.961.529	9.866.729.667
- Cổ tức phải trả Cổ đông	3.784.197.000	5.296.068.600
- Ban quản trị nhà chung cư Felisa	2.657.241.600	-
- Tiền giữ chỗ, bán căn hộ Felisa	423.781.644	2.727.947.094
- Khách hàng ứng trước tiền mua nhà (chưa có hợp đồng)	1.226.451.780	71.451.780
- Quỹ thưởng các đơn vị, cá nhân hoàn thành kế hoạch	1.020.796.809	700.428.048
- Nguyễn Hoàng Triển	1.426.585.347	1.035.926.796
- Đào Hồng Sơn	200.000.000	-
- Các khoản Phải trả ngắn hạn khác	34.907.349	34.907.349
Cộng	11.457.562.333	11.628.868.066

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Số đầu kỳ	1.372.412.124	1.751.174.822
Tăng do trích lập lợi nhuận	1.163.669.650	1.925.630.730
Giảm trong kỳ	(748.408.728)	(991.996.581)
Số cuối kỳ	1.787.673.046	2.684.808.971

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND)	Tổng (VND)
01/01/2018	75.593.580.000	12.476.622.900	(5.295.000)	110.637.017.376	8.080.840.890	17.505.733.907	(1.764.865)	224.286.735.208
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	10.995.268.011	(111.412.162)	10.883.855.849
Bán lại cổ phiếu quỹ	-	4.459.227	5.295.000	-	-	-	-	9.754.227
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(10.583.101.200)	-	(10.583.101.200)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	3.531.025.213	-	(6.912.632.707)	-	(3.381.607.494)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.531.025.213	-	(3.531.025.213)	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.925.630.730)	-	(1.925.630.730)
Quỹ thưởng ban điều hành và thưởng khác	-	-	-	-	-	(1.455.976.764)	-	(1.455.976.764)
31/12/2018	75.593.580.000	12.481.082.127	-	114.168.042.589	8.080.840.890	11.005.268.011	(113.177.027)	221.215.636.590
01/01/2019	75.593.580.000	12.481.082.127	-	114.168.042.589	8.080.840.890	11.005.268.011	(113.177.027)	221.215.636.590
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4.885.669.604	152.890.911	5.038.560.515
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(9.071.229.600)	-	(9.071.229.600)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	-	-	(1.934.038.411)	-	(1.934.038.411)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.163.669.650)	-	(1.163.669.650)
Quỹ thưởng ban điều hành và thưởng khác	-	-	-	-	-	(770.368.761)	-	(770.368.761)
30/06/2019	75.593.580.000	12.481.082.127	-	114.168.042.589	8.080.840.890	4.885.669.603	39.713.884	215.248.929.094

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
- Vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV)	15.120.000.000	15.120.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	60.473.580.000	60.473.580.000
Cộng	75.593.580.000	75.593.580.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	75.593.580.000	75.593.580.000
Vốn góp đầu kỳ	75.593.580.000	75.593.580.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	75.593.580.000	75.593.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.071.229.600	10.583.101.200

Cổ phiếu

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.559.358	7.559.358
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.559.358	7.559.358
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.559.358	7.559.358
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.559.358	7.559.358
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.559.358	7.559.358

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Doanh thu bán nhà, đất, căn hộ	30.615.722.923	39.836.363.636
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.729.373.365	5.182.288.804
- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.915.417.791	1.694.347.102
- Doanh thu khác	341.818.186	-
Tổng doanh thu thuần	42.602.332.265	46.712.999.542

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Giá vốn bán nhà, đất, căn hộ	21.660.968.340	34.833.191.726
- Giá vốn hoạt động xây dựng	9.081.308.652	5.140.776.614
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	216.801.742	110.671.878
Cộng	30.959.078.734	40.084.640.218

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	917.859.095	855.053.156
- Chênh lệch giá vàng thu bán nhà	-	322.690.125
Cộng	917.859.095	1.177.743.281

6.4. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.350.697.636	1.104.055
Cộng	1.350.697.636	1.104.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Chi phí nguyên, vật liệu	11.172.727	-
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	26.440.820	21.164.592
- Chi phí nhân viên quản lý	3.663.335.478	2.925.963.154
- Chi phí khấu hao TSCĐ	286.908.176	349.474.058
- Thuế, phí và lệ phí	29.233.789	4.472.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.149.237	477.070.850
- Chi phí bằng tiền khác	625.641.503	1.377.285.091
Cộng	5.134.881.730	5.155.429.745

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Tiền phạt thu được (chậm tiến độ)	134.637.989	20.499.480
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	2.742.886
- Hoàn nhập chi phí dự án	-	3.185.814.522
- Các khoản khác	-	28.872.131
Cộng	134.637.989	3.237.929.019

6.7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Các khoản bị phạt, truy thu	32.898.744	10.483.290
Cộng	32.898.744	10.483.290

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.320.117.596	3.811.005.828
- Chi phí nhân công	5.033.408.206	6.599.980.654
- Chi phí khấu hao TSCĐ	361.982.912	400.395.878
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.898.930.492	587.860.599
- Chi phí khác	654.875.292	1.421.691.636
Cộng	19.269.314.498	12.820.934.595

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
- Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn)	1.059.131.524	1.241.518.233
- Phát sinh tại công ty Con (Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn – Đà Nẵng)	36.624.017	6.282.675
Cộng	1.095.755.541	1.247.800.908

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.885.669.604	4.668.567.513
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Quỹ thưởng ban điều hành và thưởng khác	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.885.669.604	4.668.567.513
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	7.559.358	7.559.358
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	646	618

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông liên quan đến các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi quỹ thưởng ban điều hành và thưởng khác sẽ được tính vào kỳ kết thúc kỳ chính để lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước có thể so sánh với số liệu của kỳ này.

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ	7.559.358	7.558.868
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	166
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.559.358	7.559.034

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Lãi tiền gửi chưa thu	549.649.794	968.613.890
Cổ tức chưa trả	3.784.197.000	5.296.068.600

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (ngày 30/06/2019) cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

8.2. Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV	Chủ sở hữu

Số dư với các bên liên quan:

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn TNHH MTV	580.650.000	580.650.000
Cộng nợ phải trả	580.650.000	580.650.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	1.319.619.151	1.769.738.070
Cộng	1.319.619.151	1.769.738.070

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.3. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
30/06/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.452.670.215	-	43.452.670.215
Đầu tư tài chính	200.000.000	-	200.000.000
Phải thu khách hàng	63.440.209.944	-	63.440.209.944
Các khoản phải thu khác	1.243.986.226	29.667.787.207	30.911.773.433
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	108.336.866.385	29.667.787.207	138.004.653.592
30/06/2019			
Phải trả cho người bán	(6.446.194.752)	-	(6.446.194.752)
Phải trả khác	(11.457.562.333)	-	(11.457.562.333)
Chi phí phải trả	(165.932.160.382)	-	(165.932.160.382)
Tổng cộng	(183.835.917.467)	-	(183.835.917.467)
Chênh lệch thanh khoản thuần	(75.499.051.082)	29.667.787.207	(45.831.263.875)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.917.041.296	-	75.917.041.296
Đầu tư tài chính	200.000.000	-	200.000.000
Phải thu khách hàng	53.292.609.429	-	53.292.609.429
Các khoản phải thu khác	1.330.879.243	31.638.501.543	32.969.380.786
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	130.740.529.968	31.638.501.543	162.379.031.511
01/01/2019			
Phải trả cho người bán	(4.973.145.847)	-	(4.973.145.847)
Phải trả khác	(11.628.868.066)	(70.000.000)	(11.698.868.066)
Chi phí phải trả	(160.288.705.159)	-	(160.288.705.159)
Tổng cộng	(176.890.719.072)	(70.000.000)	(176.960.719.072)
Chênh lệch thanh khoản thuần	(46.150.189.104)	31.568.501.543	(14.581.687.561)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)	30/06/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.452.670.215	75.917.041.296	43.452.670.215	75.917.041.296
Đầu tư tài chính	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Phải thu khách hàng	63.440.209.944	53.292.609.429	63.440.209.944	53.292.609.429
Các khoản phải thu khác	30.911.773.433	32.969.380.786	30.911.773.433	32.969.380.786
Tổng cộng	138.004.653.592	162.379.031.511	138.004.653.592	162.379.031.511
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.446.194.752	4.973.145.847	6.446.194.752	4.973.145.847
Chi phí phải trả	165.932.160.382	160.288.705.159	165.932.160.382	160.288.705.159
Phải trả khác	11.457.562.333	11.698.868.066	11.457.562.333	11.698.868.066
Tổng cộng	183.835.917.467	176.960.719.072	183.835.917.467	176.960.719.072

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC CHỢ LỚN

Địa chỉ: 118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019

8.4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

8.5. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.6. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực kinh doanh nhà, đất, căn hộ; lĩnh vực thi công xây lắp và lĩnh vực cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Kinh doanh nhà, đất, căn hộ (VND)	Thi công xây lắp (VND)	Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	30.615.722.923	9.729.373.365	2.257.235.977	42.602.332.265
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(21.660.968.340)	(9.081.308.652)	(216.801.742)	(30.959.078.734)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	8.954.754.583	648.064.713	2.040.434.235	11.643.253.531
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.485.579.366)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.157.674.165
Doanh thu tài chính				917.859.095
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				134.637.989
Chi phí khác				(32.898.744)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.095.755.541)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(42.956.449)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.038.560.515

Ngày 14 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Kim Xuyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Bảo Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quốc Tuấn